

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2

Danh sách các trường hợp lấn chiếm đất đai không được phép tồn tại buộc tháo dỡ
(Kèm theo Công văn số /UBND-TNMT ngày /4/2024 của Chủ tịch UBND huyện)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ	Năm 1993				Năm 2013 (VLAP)				Chênh lệch diện tích (m2)	Nguyên nhân tăng giảm	Ghi chú
				Tờ BĐ	Số thửa	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tờ BĐ	số thửa	Loại đất	Diện tích (m ²)			
1	Võ Văn Hùng	1973	Thạnh Thê										Lấn chiếm sau ngày 01/7/2014	Theo ý kiến UBND thị trấn Tuy Phước
2	Lê Viết Tiếp	1958	Công Chánh	1	10	NĐ	960	2	5	BHK	1881,8		Chiếm đất sau ngày 01/7/2014	Theo ý kiến UBND thị trấn Tuy Phước
3	Trần Văn Đào Trung	1967	Thạnh Thê											Theo ý kiến UBND thị trấn Tuy Phước
4	Đào Thị Hồng Biên	1960	Thạnh Thê	1	123	Vườn	1.405,0	6	79	HNK	1.739,5	334,50		Theo ý kiến UBND thị trấn Tuy Phước
5	Đặng Văn Thanh	22/4/1983	Trung Tín 2											Theo ý kiến UBND thị trấn Tuy Phước
6	Võ Sinh Hào	17/6/1978	Trung Tín 2	3	635	T	95	54	70	ODT	50		Lấn đất hoang sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004	Theo ý kiến UBND thị trấn Tuy Phước
7	Nguyễn Đình Khương	1967	Trung Tín 1											Theo ý kiến UBND thị trấn Tuy Phước
8	Phạm Minh Chánh	1978	Mỹ Điền	4	863	T	122	78	56	ODT	102,3	-19,7	Lấn chiếm đất quy hoạch còn thừa, sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004	Theo ý kiến Tổ công tác huyện

STT	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ	Năm 1993				Năm 2013 (VLAP)				Chênh lệch diện tích (m ²)	Nguyên nhân tăng giảm	Ghi chú
				Tờ BĐ	Số thửa	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tờ BĐ	số thửa	Loại đất	Diện tích (m ²)			
9	Nguyễn Văn Tài	1978	Mỹ Điền	1	413	T	352,0	10	6	ODT	194,5	-157,50	Giảm 157.5m2 do chia tách thửa đất như sau: Nguyễn Văn Tài 194.5m2; Nguyễn Thị Xuân Nga 163.5m2; Lê Thị Giáo 218.8m2. Diện tích tăng 224.8m2 do lấn chiếm đất đồi núi, sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004	Theo ý kiến Tổ công tác huyện
10	Nguyễn Thị Xuân Nga	1980	Mỹ Điền	1	413	T	352,0	10	8	ODT	163,5	-188,50	Giảm 188.5m2 do chia tách thửa đất như sau: Nguyễn Văn Tài 194.5m2; Nguyễn Thị Xuân Nga 163.5m2; Lê Thị Giáo 218.8m2. Diện tích tăng 224.8m2 do lấn chiếm đất đồi núi, sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004	Theo ý kiến Tổ công tác huyện
11	Lê Thị Giáo	1959	Mỹ Điền	1	413	T	352,0	10	7	ODT	218,8	-133,20	Giảm 133.2m2 do chia tách thửa đất như sau: Nguyễn Văn Tài 194.5m2; Nguyễn Thị Xuân Nga 163.5m2; Lê Thị Giáo 218.8m2. Diện tích tăng 224.8m2 do lấn chiếm đất đồi núi, sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004	Theo ý kiến Tổ công tác huyện

STT	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ	Năm 1993				Năm 2013 (VLAP)				Chênh lệch diện tích (m ²)	Nguyên nhân tăng giảm	Ghi chú
				Tờ BĐ	Số thửa	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tờ BĐ	số thửa	Loại đất	Diện tích (m ²)			
12	Phùng Đình Kỳ	1947	Mỹ Điền	1	632	T	1.120,0	11	119	ODT	752,0	-368,00	Lấn đất ruộng công ích do UBND TT Tuy Phước quản lý, sau ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014	Theo ý kiến Tổ công tác huyện
13	Lê Thị Kim Khánh	1952	Mỹ Điền	4	861	T	128,0	78	30	ODT	429,2	301,20	Lấn đất quy hoạch còn thừa, sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004	Theo ý kiến Tổ công tác huyện
14	Nguyễn Ngọc Châu	1948	Trung Tín 2	3	183A	T	1240	46	22	ODT	1679,9	439,9	Tăng 439.9m2 do lấn hoang, sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004	Theo ý kiến Tổ công tác huyện
15	Nguyễn Văn Đông	1972	Trung Tín 2	3	787	T	1.040,0	17	63	ODT	1.846,3	806,30	Lấn sông	Theo ý kiến Tổ công tác huyện
16	Phan Thị Dung	1973	Công Chánh	2	672	T	1.488,0	60	51	ODT	1.465.9	22,1	Tăng 22.1m2 chia tách thửa đất: Phan Thị Dung 1465.9m2, Phan Văn Thảo 101m2; Trần Chí Lập 526.5m2. Tổng diện tích tăng 605.4m2 do lấn chiếm đất ao và khai phá bờ tre, sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004	Theo ý kiến Tổ công tác huyện

STT	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ	Năm 1993				Năm 2013 (VLAP)				Chênh lệch diện tích (m ²)	Nguyên nhân tăng giảm	Ghi chú
				Tờ BĐ	Số thửa	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tờ BĐ	số thửa	Loại đất	Diện tích (m ²)			
17	Trần Chí Lập	1962	Công Chánh	2	672	T	1.488,0	60	168	ODT	526,5	961,5	Tăng 961.5m2 chia tách thửa đất: Phan Thị Dung 1465.9m2, Phan Văn Thảo 101m2; Trần Chí Lập 526.5m2. Tổng diện tích tăng 605.4m2 do lần chiếm đất ao và khai phá bờ tre, sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004	Theo ý kiến Tổ công tác huyện
18	Nguyễn Thị Nhị	1957	Phong Thạnh	6	845	T	70,0	85	104	ODT	206,4	136,40	Tăng 136.4m2 do lần đất núi, sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004	Theo ý kiến Tổ công tác huyện
19	Nguyễn Thành Sơn	1937	Phong Thạnh	6	191		800	76	48		1274,7	474,7	Tăng 474.7m2 do lần núi sau 15/10/1993.	Theo ý kiến Tổ công tác huyện
20	Lê Văn Lượm	1963	Mỹ Điền	1	742		729	11	250		514,9	-214,1	Lần đất ruộng do UBND thị trấn quản lý với diện tích 125 m2, sau ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014	Theo ý kiến Tổ công tác huyện

STT	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ	Năm 1993				Năm 2013 (VLAP)				Chênh lệch diện tích (m ²)	Nguyên nhân tăng giảm	Ghi chú
				Tờ BĐ	Số thửa	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tờ BĐ	số thửa	Loại đất	Diện tích (m ²)			
21	Trần Công Toàn	1984	Phong Thạnh	6	1283	T	198	86	76	ODT	107	-91	Giảm 91m ² . Đất UBND xã Nhơn Phú giao cho mẹ Trần Thị Trang 379.5m ² , quá trình sử dụng chia tách thửa đất như sau: Trần Công Tuấn 160.3m ² ; Trần Tấn Dũng 109.8m ² ; Trần Công Toàn 107m ² . Tổng diện tích tăng 2.4m ² do lần đất bờ sông, sau ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014	Theo ý kiến Tổ công tác huyện